|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK  **Trường THPT Ngô Gia Tự** | **KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỎI**  Môn: TIẾNG ANH 12 – Lần thứ nhất  Thời gian làm bài: 180 phút (*không kể thời gian phát đề*)  *Năm học: 2019 – 2020* |

**HƯỚNG DẪN CHẤM:**

**Bài thi chấm theo thang điểm: 100**

**Part A: PHONETICS (5 điểm – Mỗi câu đúng 1 điểm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2B | 3D | 4C | 5A |

**Part B: VOCABULARY & GRAMMAR (45 điểm – mỗi câu đúng 1 điểm, riêng bài sửa lỗi, nếu tìm được lỗi mà sửa không đúng thì cho 0.5 điểm)**

**I.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 6A | 7B | 8D | 9B | 10D | 11C | 12A | 13D | 14B | 15D |
| 16C | 17C | 18B | 19A | 20A |  |  |  |  |  |

**II.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **MISTAKES** | **CORRECTIONS** |  | **MISTAKES** | **CORRECTIONS** |
| 21. | on (line 1) | **in** | 26. | (One of) the duck (line 10) | **(One of) the ducks** |
| 22. | posted (line 3) | **posting** | 27. | wide (line 12) | **widely** |
| 23. | their (line 4) | **theirs** | 28. | have (line 14) | **has** |
| 24. | like (line 8) | **as** | 29. | specially (line 15) | **especially** |
| 25 | on (line 9) | **in** | 30. | for (line 16) | **as** |

**III.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 31. not have gone | 32. will have completed | 33. Having been bitten | 34. being taken |
| 35. were it not | 36. is always entering | 37. are not determined | 38. will not be wearing |
| 39. (should) know | 40. is called |  |  |

**IV.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 41. straightforward | 42. simplicity | 43. reduce | 44. substantially | 45. anxiety |
| 46. regularity | 47. disposition | 48. supposedly | 49. individually | 50. consciousness |

**Part C: READING (30 điểm – Mỗi câu đúng 1 điểm)**

**I.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 51C | 52D | 53B | 54A | 55C | 56B | 57C | 58A | 59C | 60D |

**II.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 61. to | 62. addition | 63. airports | 64. departure | 65. flight/plane |
| 66. with | 67. numbers | 68. despite | 69. land | 70. at |

**III.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 71B | 72A | 73C | 74D | 75A | 76B | 77A | 78C | 79C | 80A |

**Part D: WRITING (20 điểm)**

**I. (05 điểm- Mỗi câu đúng 1 điểm)**

81. The man was too old to go on an expedition to the Middle East.

82. You drove me to distraction with your silly questions.

83. As soon as you arrive, go to the international ticket desk.

84. He broke the world record at/on his second attempt.

85. There is no instant solution to this problem.

**II. (05 điểm- Mỗi câu đúng 1 điểm)**

86. The two theories appear to have (got) nothing in common.

87. Much as we were impressed by the new cinema, we found/did find it rather expensive.

Impressed as we were by the new cinema, we found/did find it rather expensive.

88. The accident victim was finding it increasingly difficult to breath.

89. The damage to the building is being examined by teams of experts.

90. You ought to have thought more carefully before you decided.

**III. Essay: (10 điểm)**

**Marking criteria:**

**- Task completion – 4 điểm**

Tùy mức độ hoàn thành các yêu cầu, giám khảo có thể chấm từ 1-4 điểm.

**- Grammatical accuracy and spelling – 3 điểm:** bài viết không có lỗi chính tả và dưới 3 lỗi ngữ pháp được cho 3 điểm tối đa. Cứ 4 lỗi chính tả hoặc ngữ pháp trừ 1 điểm (Trừ không quá 3 điểm).

**- Coherence and cohesion** *(tính mạch lạc và sự liên kết câu, đoạn***) – 3 điểm:**

Tùy mức độ mạch lạc, liên kết câu, liên kết đoạn của bài viết, giám khảo có thể chấm 1-3 điểm.